

水果 Fruits



shuǐ guǒ  
水果  
fruit

#1



píng guǒ  
苹果  
apple

#2



máng guǒ  
芒果  
mango

#3



qí yì guǒ  
奇异果  
kiwi

#4



xī guā  
西瓜  
watermelon

#5



cǎo méi  
草莓  
strawberry

#6



xiāng jiāo  
香蕉  
banana

#7



pú tao  
葡萄  
grape

#8



lí zi  
梨子  
pear

#9



jú zi  
桔子  
tangerine

#10